

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2024/DS - PT**
Ngày 30 tháng 01 năm 2024
V/v: “Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn;

Ông Bùi Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLDS-PT ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T N, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1963.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu X, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ.

2/ Bị đơn: Ông Lê Đức V, sinh năm 1969 (có mặt).

(Tên gọi khác là Lê Văn Q).

Địa chỉ: Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ.

4/ Người kháng cáo: Ông Lê Đức V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:**

Bà và ông Lê Đức V, sinh năm 1969 (Tên gọi khác là Lê Văn Q) là hai chị em cùng mẹ khác cha. Bố bà là Ngô Đình G, mẹ bà là Hán Thị D, bố mẹ bà kết hôn năm 1963, sau đó sinh ra bà là Ngô Thị D. Năm 1969 mẹ bà cụ D có sinh

thêm một con riêng là anh Lê Đức V, anh V không biết cha là ai vì mẹ bà không nói. Năm 1970 thì bố mẹ bà ly hôn, bố bà đi lấy vợ khác không quan hệ gì đến mẹ con bà nữa, Ngoài ra thì mẹ bà không có chồng và con nào khác. Còn bố bà sau khi ly hôn mẹ bà có lấy vợ là bà Nguyễn Thị L nhưng không có con chung nào, năm 2013 thì cụ G bố bà mất, trong suốt quá trình đó bố bà cũng không đi lại gì với mẹ con bà. Khi bố bà và mẹ bà còn chung sống với nhau tài sản chung đã gây dựng lên gồm: 01 thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, diện tích 875m² trong đó có 300m² đất ở và 575m² đất vườn và thửa số 33, tờ bản đồ số 4, diện tích 720m² đất vườn, đất Khu X, xã C T, T T, Vĩnh Phú nay là ở Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ (nguồn gốc đất là do ông bà nội tôi để lại cho bố mẹ tôi), đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A517521, số vào sổ 6272, cấp ngày 30/7/1991 đứng tên mẹ bà là bà Hán Thị D. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 lợp lá. Khi bố mẹ bà là cụ G và Cụ D ly hôn năm 1970 bố bà là cụ G để lại toàn bộ tài sản trên cho mẹ bà là cụ D quản lý sử dụng, mẹ bà cụ D và bà cùng anh Lê Đức V vẫn ở nhà và đất trên. Năm 1984 bà (Diễn) đi lấy chồng, khoảng năm 1988 mẹ bà (cụ D) có mua thêm một thửa đất của hàng xóm liền kề của bà Hà Thị L (Nay bà L đã mất con gái bà L là Phạm Thị T có biết việc này), khi mua xong thì mẹ tôi (cụ D) gộp tất cả các thửa đất trên thành một để sử dụng cho tiện, đến năm 1994 thì mẹ bà mất, anh V trực tiếp quản lý sử dụng tất cả diện tích đất trên, khoảng năm 2016 bà (D) được biết anh V đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh V và vợ là chị T nhưng không có sự đồng ý của bà. Do bà lấy chồng cũng khó khăn đang là hộ nghèo bà bị bệnh ung thư vú, ung thư tuyến giáp bà có nói với ông V để lại một phần đất cho bà để bà sử dụng xây nhà ở vì nhà của bà đang ở tạm nhưng ông V không cho, Bà (D) có làm đơn ra UBND xã V X, quá trình hòa giải ông V cũng không đồng ý.

Mẹ bà mất vào năm 1994 không để lại di chúc gì, lúc đó bà là người đứng ra lo đám tang cho mẹ bà. Bố đẻ mẹ của cụ D là cụ Hán Văn L, đã chết từ lâu khoảng năm 1960; mẹ đẻ của cụ D là cụ Cả Thị N, đã chết từ lâu khoảng năm 1983. Bố bà ông Ngô Đình G, chết năm 2013.

Khi mẹ bà là cụ D còn sống, mẹ bà đã dựng lại ngôi nhà lá cũ sang phần diện tích đất mới mua của bà L và ở trên đó, trên đất có trồng cây gồm: 04 cây Sấu, 01 vườn xoan, 01 giếng, 01 sân gạch liền nhà lá, đến khi mẹ tôi cụ D mất thì anh V cũng đã thu hoạch cây và vẫn ở nhà lá mẹ bà cụ D dựng, đến năm 2017 anh V múc đất ở thửa đất cũ đổ lên phần đất mua của bà L để xây nhà 2 tầng như hiện nay.

Bà cũng đã họp gia đình, bên nhà mẹ bà chỉ có 3 chị em gái, mọi người cũng đã ngồi lại với nhau và thống nhất đất này là của bố mẹ bà để lại nay có 2 chị em thì chia cho bà một phần để bà sử dụng nhưng anh V không nghe, nay bà đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của mẹ bà cụ D để lại cho bà và anh V theo quy định pháp luật.

Quá trình được tiếp cận công khai chứng cứ bà đã biết việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh V và chị T là hợp pháp, bà không đòi hỏi phần đất đã làm giấy chứng nhận cho anh V và bà T nữa mà bà chỉ yêu cầu chia phần đất của mẹ bà còn lại chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai vẫn đứng tên mẹ bà thuộc thửa thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, diện tích 875m²

trong đó có 300m² đất ở và 575m² đất vườn và thửa số 33, tờ bản đồ số 4, diện tích 720m² đất vườn, đất Khu X, xã C T, T T, Vĩnh Phú nay là ở Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A517521, số vào sổ 6272, cấp ngày 30/7/1991 đứng tên mẹ bà là bà Hán Thị D. bà đề nghị tòa án chia bằng hiện vật cho bà phần đất trên theo quy định pháp luật.

Sau khi Tòa án thẩm định, định giá và đo hiện trạng đất, đất thực tế hiện nay đo đạc bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà hoàn toàn nhất trí chia theo hiện trạng đo vẽ ngày 25/8/2022 của phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất đã đo đạc không đề nghị phần đất bị thiếu và không có thắc mắc gì và bà không đề nghị chia tài sản trên đất vì toàn bộ tài sản đó là của anh V, chị T xây dựng lên.

Đối với phần đất của mẹ bà để lại bà đề nghị chia theo quy định pháp luật và chia bằng hiện vật được bao nhiêu bà lấy bấy nhiêu, bà cũng biết đất của mẹ bà để lại hiện nay không có lối vào nhưng bà cũng không đề nghị giải quyết lối vào mà bà chỉ đề nghị Tòa án chia phần di sản của mẹ bà để lại theo quy định pháp luật và chia bằng đất, phần đất bà được nhận không có lối vào bà cũng nhất trí, sau này bà tự giải quyết.

Bà không đồng ý đề nghị của anh V về yêu cầu bà bồi thường: Công sức nuôi mẹ, chăm sóc mẹ bà, thờ cúng mẹ cụ D do mẹ bà cụ D bị ung thư chữa trị hết khoảng 1 tỷ. Còn công sức duy trì tôn tạo bà đồng ý thanh toán cho ông V bằng một phần đất.

2. Về phía bị đơn Ông Lê Đức V, sinh năm 1969 (Tên gọi khác là Lê Văn Q) trình bày:

Ông và Bà D là chị em cùng mẹ khác cha. Mẹ ông là bà Hán Thị D, sinh được 02 người con là bà Ngô Thị D và ông là Lê Đức V, Bà D là con của mẹ ông và cụ Ngô Đình G, còn bố ông là cụ Lê Văn T là cán bộ tập kết ra bắc, ông xác nhận khi sinh Bà D thì cụ G và mẹ ông không chung sống với nhau nữa, còn bố và mẹ ông cũng không sống với nhau ngày nào, mẹ ông cụ D là người trực tiếp nuôi hai chị em ông không liên quan gì đến cụ G và cụ T. Ngoài ra mẹ ông không còn con nào khác.

Khi còn sống cụ D được nhà nước cấp thửa đất ở nhưng đến ngày 30/7/1991 mới được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Hán Thị D, đất thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 4, diện tích 875m², trong đó có 300m² đất ở và 575m² đất vườn, và thửa số 33, tờ bản đồ số 4 diện tích là 720m² (là đất vỡ) đất vườn, đất này được nhà nước cấp cho mẹ ông có thu tiền theo quy định. Khi cụ D sử dụng đất từ năm 1966 lúc đó cụ G đã bỏ đi không ở cùng với mẹ ông nữa, bố ông cũng không ở cùng với mẹ ông ngày nào nên diện tích đất trên là của nhà nước cấp cho mẹ ông không liên quan gì đến cụ G và cụ T. Khi được cấp đất mẹ ông có dựng một ngôi nhà cột tre, lá cọ, mẹ ông, cụ D sinh sống ở đó đến khi có ông thì ba mẹ con sinh sống ở ngôi nhà trên, đến năm 1980 thì Bà D đi lấy chồng còn ông và mẹ ông sinh sống trên mảnh đất trên. Năm 1989 ông lấy vợ là bà Nguyễn Thị T và vợ chồng ông ở cùng với cụ D tại nhà và đất trên.

Năm 1991 vợ chồng ông có mua thêm 01 diện tích đất của nhà bà Hà Thị L hàng xóm, giáp đường quốc lộ, đến năm 1992 do nhà cũ của mẹ con ông ở bị nát, nên vợ chồng ông đã dỡ bỏ lấy bộ khung nhà bằng tre khênh ra đất mới mua

của nhà bà L và vợ chồng ông dựng lại nhà để cùng nhau ở trên đó. Mẹ ông cụ D bị ung thư vú từ năm 1990 đến năm 1994 thì mất, khi mất mẹ ông không để lại di chúc gì. Năm 1995 do nhà dựng tre bị sập vợ chồng ông xây lại nhà cấp 4, 3 gian trên thửa đất mua của bà L. Năm 2016 do nhà đột vợ chồng ông lại xây lại nhà 02 tầng như hiện nay.

Theo ông tài sản của cụ D để lại là thửa số 36, tờ bản đồ số 4 diện tích 875m², trong đó có 300m² đất ở và 575m² đất vườn, và thửa số 33, tờ bản đồ số 4 diện tích là 720m² (là đất vỡ) đất vườn, đất này được UBND huyện T T (nay là T N) cấp cho cụ D vào ngày 30/7/1991.

Hiện nay trên đất này có các cây gồm: Xoài, Na, Mít, Bưởi, Táo, Hồng Xiêm... những cây này là do làm nhà những cây cũ hỏng hết lên vợ chồng ông đã trồng lại những cây mới từ năm 2016, trên đất vợ chồng ông còn làm có 01 chuồng gà xây năm 2016, 01 bếp lợp Proximang, và một ít công trình nhà vợ chồng ông xây sang diện tích đất của cụ D, do diện tích đất của cụ D để lại rất thấp hay bị ngập, khi sử dụng vợ chồng ông có mức một hồ khoảng 100m² lấy đất đó đắp lên phần đất vườn để không bị ngập.

Năm 1991 lúc đó mẹ ông đang bị ung thư vú, vợ chồng ông mua của bà Hà Thị L hàng xóm diện tích đất khoảng 120m², lúc mua là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), bà L đứng ra bán cho vợ chồng ông vì bà L không có chồng, bà L chỉ có một cô con gái là Phạm Thị T, nhưng lúc đó cũng không sống cùng bà L mà sống ở chỗ khác, được một thời gian thì chị T mới về ở cùng với bà L, đến năm 1999 bà L chết, chị T ở mảnh đất của bà L, đến năm 2019 chị T trực tiếp làm hợp đồng chuyển nhượng sang tên vợ chồng ông thửa đất mua của bà L nay là thửa số 37-2, tờ bản đồ số 4, diện tích 167,7m², đất ở Khu X, xã C T nay là Khu Y, xã V X, đất đã được UBND huyện T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông vào ngày 01/8/2019. Ông khẳng định đây là đất của vợ chồng ông mua của bà L và chị T không liên quan gì đến đất của mẹ ông.

Ông hoàn toàn nhất trí biên bản thẩm định, định giá và bản trích đo hiện trạng ngày 25/8/2022. Hiện nay diện tích đất của cụ D để lại bị thiếu đi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông không có ý kiến gì. Đây là do thời điểm đo trước đo chưa chuẩn, quá trình sử dụng trực tiếp gia đình ông sử dụng với các hộ liền kề sử dụng ổn định không có tranh chấp gì, tường rào bao quanh xây đã rõ ràng nên diện tích đất có thiếu so với giấy chứng nhận cấp cho cụ D ông cũng đồng ý. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo số liệu mà hiện nay phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất đã đo đạc ngày 25/8/2022. Và hiện nay phần đất của cụ D để lại không có lối đi phần này ông không có đề nghị gì.

Đối với di chúc miệng ông không đề nghị xem xét, ông chỉ đưa ra đề Tòa án chia đất cho hợp lý. Ông đề nghị Bà D phải thanh toán cho ông những khoản tiền sau xong thì mới chia thừa kế đất gồm:

- Công san lấp tôn tạo, duy trì mảnh đất đất là 200 triệu.
- Công sức nuôi mẹ, chăm sóc mẹ ông, thờ cúng mẹ do mẹ ông bị ung thư chữa trị rất nhiều một mình ông chăm sóc Bà D đi lấy chồng gần 29 năm nay thỉnh thoảng đến thăm nom được chút trách nhiệm gác vác thuộc về ông nên ông nuôi hết khoảng 1 tỷ.

Ông đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật phần tài sản của cụ D để lại, ông có phần thừa kế thì ông xin được lấy phần đất mà ông đã xây kiên cố, xây bếp củi và chuồng gà, để đảm bảo công trình đang kiên cố không bị đập phá mong Tòa án xem xét.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị T xác nhận như ý kiến trình bày của ông V bà bổ sung thêm: Quá trình chung sống bà là vợ ông V có công sức duy trì tồn tại cùng ông V nhưng bà không đòi hỏi mà đề nghị cho tất phần của mình cho ông V quản lý sử dụng và đề nghị giao cho ông V phần có nhà kiên cố do vợ chồng xây dựng lên.

Ngày 25/8/2022 Tòa án nhân dân huyện T N đã tiến hành thẩm định, định giá, toàn bộ phần diện tích đất và tài sản trên đất, đồng thời cơ quan Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất cũng đã tiến hành đo đạc toàn bộ phần tranh chấp trên. Các đương sự đều nhất trí không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T N, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 170; khoản 1 Điều 203 luật đất đai năm 2013;

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D về việc chia di sản thừa kế của cụ bà Hán Thị D.

[2]. Xác định di sản thừa kế của Diện để lại để chia gồm: 01 thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, diện tích 665,2m² trong đó có 300m² đất ở và 365,2m² đất vườn và thửa số 33, tờ bản đồ số 4, diện tích 662,2m² đất vườn, đất Khu X, xã C T, T T, Vĩnh Phú nay là ở Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A517521, số vào sổ 6272, cấp ngày 30/7/1991 đứng tên cụ Hán Thị D có giá trị là 620.828.500đ.

[3]. Xác định hàng thừa kế của cụ D để chia di sản gồm: Bà Ngô Thị D và ông Lê Đức V (Tên gọi khác là Lê Văn Q).

[4]. Chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

Giao cho Bà D được quản lý, sử dụng diện tích đất 442,5 m² theo các điểm 3,4,5,6,7,8,16,17,18, 3 trong đó diện tích đất ở là 100m² và 342,5m² đất vườn, trị giá tài sản được hưởng là 206.828.500đ, trên đất không có công trình kiên cố chỉ có một số cây cối mới trồng, phần cây cối này ông V, bà T tự di dời khi án có hiệu lực pháp luật.

Giao cho ông V được quản lý, sử dụng diện tích đất 885m² theo các điểm 15,3,18,17,16,9,10,11,12,13,14,15, trong đó diện tích đất ở là 200m² và 685m² đất vườn, trị giá tài sản được hưởng là 413.637.780đ, trên đất theo các điểm 3,18,17,11,12,15,3 có công trình kiên cố là nhà và công trình phụ do ông V, bà T xây lên còn đất theo các điểm 10,11,17,16,10, trên đất không có công trình kiên cố chỉ có một số cây cối mới trồng, và ao thả cá ông V tự quản lý sử dụng.

[5]. Về chi phí và án phí:

Về chi phí xem xét, thẩm định giá và đo đạc: Bà Ngô Thị D tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí tương ứng với phần tài sản mà mình được hưởng, Bà D phải chịu 10.341.425đ. (Mười triệu, ba trăm bốn một nghìn, bốn trăm hai lăm đồng) ông V phải chịu 20.545.511 đ. (Hai mươi triệu, Năm trăm bốn lăm nghìn, năm trăm mười một đồng)

Đối với phần yêu cầu bị đơn không được chấp nhận thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật số tiền không được chấp nhận là 1 tỷ đồng tương ứng án phí là 42.000.000đ.(Bốn mươi hai triệu đồng).

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành bản án theo đúng pháp luật quy định.

Ngày 16 tháng 9 năm 2023 ông Lê Đức V là bị đơn kháng cáo bản án với các nội dung: Việc định giá đất cao hơn giá đất tại địa phương; Phần di sản chia cho Bà D là không phù hợp; Xem xét công san lấp, tôn tạo, duy trì khối di sản; Xem xét án phí đối với phần đề nghị công nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có kháng cáo xin rút yêu cầu kháng cáo về việc định giá đất, công sức tôn tạo, tiền nuôi dưỡng và chữa bệnh cho cụ D. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc chia quyền sử dụng đất cho Bà D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 Điều 308; 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T N, tỉnh Phú Thọ theo hướng; Không chấp nhận kháng cáo bị đơn về việc chia lại quyền sử dụng đất; Chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu của bị đơn về việc thanh toán tiền nuôi dưỡng cụ Hán Thị D (có bài phát biểu lưu hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa ngày 29/11/2023 và đơn xin rút một phần kháng cáo ngày 28/11/2023 người kháng cáo đã rút các nội dung kháng cáo, cụ thể: Không đề nghị định giá lại; Không yêu cầu tính tiền công san lấp cải tạo đất; Rút yêu cầu về thanh toán tiền nuôi dưỡng cụ Hán Thị D. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chia lại đất cho bà Ngô Thị D.

[2.2] Đối với yêu cầu chia lại quyền sử dụng đất: Sau khi tạm ngừng phiên tòa ngày 29/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện T N tiến hành thẩm định, định giá quyền sử dụng đất là đất vườn (để làm lối đi) đối với thửa số 37-2, tờ bản đồ số 4 đi vào phần đất cấp sơ thẩm đã

tuyên giao cho bà Ngô Thị D. Lý do theo Quyết định 14/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ thì thửa đất mới hình thành từ việc tách thửa phải đảm bảo có lối đi; Tuy nhiên căn cứ biên bản 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T N và đơn đề nghị của bị đơn không nhất trí thẩm định và định giá đối với thửa đất trên.

Việc bà Ngô Thị D không yêu cầu có lối đi nhưng việc tách thửa đất không có lối đi là không đúng theo quy định của pháp luật. Do việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, không đồng ý thẩm định định giá nên HĐXX không có căn cứ đề xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung này, nếu có tranh chấp về quyền có lối đi thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với nội dung rút yêu cầu thanh toán tiền nuôi dưỡng cụ Hán Thị D: Việc rút yêu cầu này là tự nguyện, không phải yêu cầu phản tố mà là một nội dung xem xét về di sản thừa kế, quyền và nghĩa của người chết để lại. Do vậy cần chấp nhận việc rút yêu cầu này.

Do chấp nhận việc rút yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm tính lại án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần, nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn về việc chia lại quyền sử dụng đất; Chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu bà Ngô Thị D phải thanh toán tiền nuôi dưỡng cụ Hán Thị D.

Căn cứ: Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D về việc chia di sản thừa kế của cụ Hán Thị D.

[2]. Xác định di sản thừa kế của cụ D để lại để chia gồm: 01 thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4, diện tích 665,2m² trong đó có 300m² đất ở và 365,2m² đất vườn và thửa số 33, tờ bản đồ số 4, diện tích 662,2m² đất vườn, đất Khu X, xã C T, T T, Vĩnh Phú nay là ở Khu Y, xã V X, huyện T N, tỉnh Phú Thọ đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A517521, sổ vào sổ 6272, cấp ngày 30/7/1991 đứng tên cụ Hán Thị D có giá trị là 620.828.500đ.

[3]. Xác định hàng thừa kế của cụ D để chia di sản gồm: Bà Ngô Thị D và ông Lê Đức V (Tên gọi khác là Lê Văn Q).

[4]. Chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

Giao cho Bà D được quản lý, sử dụng diện tích đất 442,5 m² theo các điểm 3,4,5,6,7,8,16,17,18, 3 trong đó diện tích đất ở là 100m² và 342,5m² đất vườn, trị giá tài sản được hưởng là 206.828.500đ, trên đất không có công trình kiên cố chỉ có một số cây cối mới trồng, phần cây cối này ông V, bà T tự di dời khi án có hiệu

lực pháp luật.

Giao cho ông V được quản lý, sử dụng diện tích đất 885m² theo các điểm 15,3,18,17,16,9,10,11,12,13,14,15, trong đó diện tích đất ở là 200m² và 685m² đất vườn, trị giá tài sản được hưởng là 413.637.780đ, trên đất theo các điểm 3,18,17,11,12,15,3 có công trình kiên cố là nhà và công trình phụ do ông V, bà T xây lên còn đất theo các điểm 10,11,17,16,10, trên đất không có công trình kiên cố chỉ có một số cây cối mới trồng, và ao thả cá ông V tự quản lý sử dụng.

(Có sơ đồ đo vẽ ngày 25/8/2022 kèm theo bản án sơ thẩm)

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền cập nhật chỉnh lý biên động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[5]. Chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu của bị đơn về việc thanh toán tiền nuôi dưỡng cụ Hán Thị D.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Đức V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông Lê Đức V số tiền đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T N số AA/2020/0005833 ngày 05/10/2023.

Ông Lê Đức V không phải chịu về số tiền án phí dân sự sơ thẩm đã tuyên là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện T N;
- TAND huyện T N;
- Chi cục THADS huyện T N;
- Các đương sự;
- Lưu AV: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Vũ